TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/DS-ST
Ngày: 03/4/2018.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Việt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 140/2017/TLST-DS, ngày 06/10/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST - DS ngày 06/02/2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Thanh P, sinh năm 1980 (có mặt).

Trú tại: số X, khu phố Y, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thùy N, sinh năm 1996 (có mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Bùi Thanh P trình bày:

Vào ngày 11/3/2016 chị N có đến nhà anh hỏi vay số tiền là 24.800.000 đồng để mở quán mua bán (ban đầu vay 18.500.000 đồng, sau đó vay thêm 2.500.000 đồng và 3.800.000 đồng), thời hạn trả tiền vay là 12 tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền bằng giấy đã được đánh máy sẵn một phần nội dung và có chữ viết tay do chị N viết và ký tên. Lãi suất thỏa thuận là 05%/tháng (trung bình mỗi tháng đóng 1.200.000 đồng), chị N có tháng đóng lãi, có tháng không đóng lãi, tổng số tiền lãi mà chị N đã đóng cho anh khoảng 7.500.000 đồng. Đến hạn trả nợ chị N không có trả đủ tiền vay cho anh, khi anh tìm chị N đòi tiền thì chị N có trả được số tiền là 10.000.000 đồng do bà Dương Thị S là mẹ ruột chị N trả thay cho chị N. Từ đó đến nay anh nhiều lần yêu cầu chị N trả số vốn còn lại là 14.800.000

đồng và chị N có hứa mỗi tháng sẽ trả 3.000.000 đồng cho anh đến khi hết nợ nhưng chị N chỉ hứa mà không thực hiện. Do đó, nay anh yêu cầu chị N phải hoàn trả tiền vay là 14.800.000 đồng, yêu cầu trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, không yêu cầu tính lãi. Lúc chị N vay tiền của anh thì chị N còn độc thân chưa lấy chồng nên anh chỉ yêu cầu chị N trả tiền vay cho anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Lê Thị Thùy N trình bày: vào khoảng từ năm 2015 đến năm 2016 chị có vay tiền của anh P nhiều lần (khoảng 04 lần) số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng, lãi suất vay chị không nhớ rõ là bao nhiêu nhưng chị đã đóng lãi nhiều lần cho anh P, do có tháng chị không có tiền đóng lãi nên anh P cộng dồn tiền lãi nhập vào nợ gốc thành số tiền là 24.800.000 đồng. Chị vay tiền của anh P để tiêu xài cá nhân vì thời điểm vay tiền chị còn là sinh viên học tại trường Cao đẳng B và còn độc thân chưa lấy chồng. Chữ viết tay trong giấy "Hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng" ghi ngày 11/3/2016 là do chị viết và ký tên nhưng lúc đó do chị còn nhỏ nên anh P yêu cầu chị viết giấy cho anh P thì chị viết chứ thực tế chị vay tiền gốc của anh P chỉ là 15.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, chị có trả cho anh P tổng số tiền gốc là 10.000.000 đồng do bà Dương Thị S là mẹ ruột chị trả thay cho chị. Chị đóng tiền lãi cho anh P nhưng không có giữ giấy tờ gì, chị chỉ có giữ giấy trả tiền gốc là 10.000.000 đồng có chữ ký của anh P. Do đó, nay chị cũng đồng ý còn nợ anh P là 14.800.000 đồng và đồng ý trả cho anh P nhưng chị chỉ có khả năng trả mỗi tháng là 200.000 đồng cho anh P, bởi vì hoàn cảnh kinh tế của chị khó khăn, hiện tại chị mới sinh con, không có thu nhập nên chị không có khả năng trả mỗi tháng 1.500.000 đồng như anh P yêu cầu. Chị không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi mà chị đã đóng cho anh P vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định để cấn trừ vào nợ gốc vì anh P nhập lãi vào nợ gốc mà không có giao giấy tờ gì cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 14.800.000 đồng không có tranh chấp nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự việc có thật. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất với nhau về phương thức trả nợ, anh P yêu cầu trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng, còn chị N xin trả mỗi tháng là 200.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, đề nghị của chị N không được anh P chấp nhận, bản thân chị N đã tham gia giao dịch về vay tiền với anh P nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh P nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P buộc chị N phải hoàn trả cho anh P số tiền vay 14.800.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với phương thức trả nợ mà anh P đề nghị trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng, còn chị N đề nghị trả mỗi tháng là 200.000 đồng, xét thấy vấn đề này thuộc về giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Đối với việc chị N trình bày là đã đóng lãi nhiều lần cho anh P, do có tháng chị không có tiền đóng lãi nên anh P cộng dồn tiền lãi nhập vào nợ gốc thành số tiền là 24.800.000 đồng chứ thực tế số tiền vốn tổng cộng chỉ là 15.000.000 đồng. Xét thấy, bản thân chị N cũng thừa nhận chữ viết tay trong giấy "Hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng" ghi ngày 11/3/2016 (do anh P cung cấp) là do chị viết và ký tên, trong giấy "Hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng" chỉ thể hiện anh P cho chị N vay tổng số tiền là 24.800.000 đồng (21.000.000 đồng + 3.800.000 đồng), không có thể hiện việc đóng tiền lãi hay nhập tiền lãi vào nợ gốc. Đồng thời, chị N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc anh P đã nhập tiền lãi vào nợ gốc thành số tiền là 24.800.000 đồng. Tại phiên tòa, anh P chỉ thừa nhận là tổng số tiền lãi của số tiền vay 24.800.000 đồng mà chị N đã đóng cho anh khoảng 7.500.000 đồng (lãi suất là 05%/tháng) nhưng chị N cũng không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi mà chị đã đóng cho anh P vượt quá mức lãi suất mà pháp luật quy định để cấn trừ vào nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho anh P do toàn bộ yêu cầu của anh P được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thanh P.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Thùy N phải hoàn trả cho anh Bùi Thanh P số tiền vay là 14.800.000 (mười bốn triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Lê Thị Thùy N phải nộp là (14.800.000 đồng x 5%) = 740.000 (bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho anh Bùi Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 370.000 đồng theo biên lai thu số 0008748 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Đạt